

Số: 3661/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt phương án điều tiết tiền
dịch vụ môi trường rừng năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 358/TTr-SNN ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều tiết

- Điều tiết nguồn kinh phí chi trả cho bên cung ứng DVMTR năm 2022 (*Mức chi trả DVMTR lớn hơn 02 lần mức hỗ trợ của NSNN cho khoán bảo vệ rừng - Lưu vực Nhà máy thủy điện Trà Xom*), số tiền: 1.628.288.257 đồng.

- Điều tiết nguồn thu tiền DVMTR từ bên sử dụng DVMTR nhưng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền DVMTR năm 2022, cho bên cung ứng có mức chi trả DVMTR bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên, số tiền: 1.212.241.632 đồng.

2. Nguyên tắc điều tiết

- Diện tích được điều tiết là diện tích cung ứng DVMTR năm 2022 có mức chi trả tiền DVMTR bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên, điều tiết lần lượt đến diện tích có mức chi trả lớn hơn.

- Mức chi trả bình quân 01 ha sau điều tiết (= mức chi trả DVMTR + đơn giá điều tiết) phải thấp hơn hoặc bằng mức chi trả DVMTR lớn hơn liền kề.

3. Kết quả điều tiết

3.1. Điều tiết nguồn kinh phí chi trả cho bên cung ứng DVMTR năm 2022 (*Mức chi trả DVMTR lớn hơn 02 lần mức hỗ trợ của NSNN cho khoán bảo vệ rừng - Lưu vực Nhà máy thủy điện Trà Xom*), số tiền: 1.628.288.257 đồng

a) Chủ rừng là tổ chức: Điều tiết cho 05 Ban Quản lý rừng phòng hộ, 01 Ban Quản lý rừng đặc dụng, 02 Công ty TNHH Lâm nghiệp, 01 Trung tâm huấn luyện quân sự và 02 đơn vị quân đội.

- Diện tích cung ứng: 38.455,41 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 33.116,09 ha.

- Kinh phí điều tiết: 1.071.829.911 đồng.

b) UBND các xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: Điều tiết cho 18 UBND xã và 01 Thị trấn.

- Diện tích cung ứng: 15.220,01 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 11.109,20 ha.

- Kinh phí điều tiết: 427.302.294 đồng.

c) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: Điều tiết cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thuộc 14 xã ở huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và tp. Quy Nhơn.

- Diện tích cung ứng: 3.008,24 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 2.121,02 ha.

- Kinh phí điều tiết: 88.272.111 đồng.

d) Chủ rừng là cộng đồng dân cư: Điều tiết cho 03 cộng đồng.

- Diện tích cung ứng: 1.068,48 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 858,90 ha.

- Kinh phí điều tiết: 39.466.503 đồng.

e) Chủ rừng là doanh nghiệp: Điều tiết cho 02 doanh nghiệp.

- Diện tích cung ứng: 48,93 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 32,64 ha.

- Kinh phí điều tiết: 1.417.437 đồng.

3.2. Điều tiết nguồn thu tiền DVMTR không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền năm 2022, số tiền: 1.212.241.632 đồng.

a) Chủ rừng là tổ chức: Điều tiết cho 05 Ban Quản lý rừng phòng hộ, 01 Ban Quản lý rừng đặc dụng, 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp, 01 Trung tâm huấn luyện quân sự và 02 đơn vị quân đội.

- Diện tích cung ứng: 44.574,31 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 38.338,52 ha.

- Kinh phí điều tiết: 855.848.648 đồng.

b) UBND các xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: Điều tiết cho 19 UBND xã và 01 Thị trấn.

- Diện tích cung ứng: 15.316,01 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 11.180,49 ha.

- Kinh phí điều tiết: 280.429.175 đồng.

c) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: Điều tiết cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thuộc 14 xã ở huyện Tây Sơn, huyện Vĩnh Thạnh và thành phố Quy Nhơn.

- Diện tích cung ứng: 3.008,31 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 2.121,07 ha.

- Kinh phí điều tiết: 53.483.040 đồng.

d) Chủ rừng là cộng đồng dân cư: Điều tiết cho 03 cộng đồng.

- Diện tích cung ứng: 1.068,48 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 858,90 ha.

- Kinh phí điều tiết: 21.657.730 đồng.

e) Chủ rừng là doanh nghiệp: Điều tiết cho 02 doanh nghiệp.

- Diện tích cung ứng: 48,93 ha; diện tích quy đổi hệ số K: 32,64 ha.

- Kinh phí điều tiết: 823.039 đồng.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh